

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2016

Tên công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Năm báo cáo: 2016

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100105454 ngày 23/2/2005 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu và đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 08/5/2015.
- Vốn điều lệ: 26.097.100.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 26.097.100.000 đồng
- Địa chỉ: Nhà G9 số 495 – Đường Nguyễn Trãi – Thanh Xuân Nam – Quận Thanh Xuân – Hà Nội.
- Điện thoại: 043.8542209.
- FAX: 043.8545855
- Website: www.sdcc.com.vn
- Mã cổ phiếu SDC

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty CP tư vấn Sông Đà tiền thân là Xí nghiệp thiết kế Sông Đà được thành lập năm 1975, sau nhiều lần được đổi tên cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ, Năm 2001 được đổi tên thành Công ty tư vấn xây dựng Sông Đà trên cơ sở hợp nhất các Đơn vị : Công ty tư vấn và khảo sát thiết kế; Công ty thiết kế tự động hoá CODEMA; Trung tâm thí nghiệm xây dựng Miền Bắc; Trung tâm thí nghiệm xây dựng Miền Nam; Phòng tư vấn giám sát chất lượng thuộc Tổng công ty Sông Đà.

Công ty đã được cấp chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 vào tháng 6/2002 và cấp lần 2 vào ngày 15/1/2013.

Đến cuối năm 2004, Công ty đã tiến hành thực hiện cổ phần hoá và được đổi tên thành Công ty cổ phần tư vấn Sông Đà theo quyết định số 1680/QĐ-BXD ngày 28/10/2004 và quyết định 57/QĐ-BXD ngày 14/1/2005 về việc chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty tư vấn xây dựng Sông Đà thành Công ty CP tư vấn Sông Đà.

Tháng 11 năm 2006 Công ty đã thực hiện niêm yết trên sàn Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: SDC (vốn điều lệ ban đầu là: 15.000.000.000 đồng).

Sau gần 40 năm xây dựng và trưởng thành, Công ty CP Tư vấn Sông Đà đã có bề dày kinh nghiệm trong các lĩnh vực thiết kế, khảo sát, tư vấn giám sát, thí nghiệm các công trình thủy điện lớn trong nước như: Thủy điện Thác Bà, Hoà bình, Yaly, Vĩnh Sơn, Sông Hinh, Sê San 3, Sê San 3A, Sê San 4, Tuyên Quang, Sơn La, Nậm chiến, Bình Điền, Sứ pán, Đakdrinh, Sơn La, Lai châu, Bào Lâm...; các công trình thủy điện nước ngoài : Xekaman 1, Xekaman 3, Xekaman 4, Sekong 4, Nậm Nghiệp 1 tại Cộng hoà dân chủ Nhân dân Lào. Các công trình công nghiệp dân dụng: Nhà máy Xi măng Tuyên Quang, Xi măng Sông Đà, Xi măng Yaly, Xi măng Hạ Long, Nhà máy thép Việt - Ý ... Các công trình giao thông lớn như : Đường Hồ Chí Minh, Hàm đường bộ qua đèo Hải Vân...

Trong quá trình phát triển, Công ty đã 2 lần được tặng thưởng huân chương lao động hạng 3, nhiều bằng khen của Chính phủ và Bộ xây dựng. Nhiều năm được Tổng công ty Sông Đà tặng cờ thi đua cho Đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và Đơn vị CBCNV có thu nhập cao nhất.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- **Ngành nghề kinh doanh** (Các ngành nghề chính chiếm 10% tổng doanh thu trong 2 năm gần nhất):

- Thiết kế xây dựng các công trình thủy điện.
- Khảo sát địa hình, địa chất, khoan phun chống thấm các công trình.
- Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của vật liệu xây dựng.
- Tư vấn giám sát xây dựng

- **Địa bàn kinh doanh** (Các địa bàn hoạt động kinh doanh chính chiếm 10% tổng doanh thu trong 2 năm gần nhất):

- Tỉnh Lai châu.
- Tỉnh Đồng Nai
- Nước Cộng hoà dân chủ Nhân dân Lào.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- **Mô hình quản trị :**

Công ty CP Tư vấn Sông Đà là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và là Công ty đại chúng được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Công ty được quản lý bởi Hội đồng quản trị và điều hành là Tổng giám đốc, giúp việc cho Tổng giám đốc có 4 phòng ban nghiệp vụ. Các chi nhánh trực thuộc Công ty gồm 07 Đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, hoạt động theo phân cấp quản lý của Công ty.

Công ty thực hiện chức năng quản lý và điều hành của mình đối với các chi nhánh thông qua định hướng phát triển, giao nhiệm vụ, giao kế hoạch, bố trí máy móc thiết bị, nhân lực cho các Chi nhánh và thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện công việc, tiến độ và kế hoạch được giao.

Quản trị Công ty với các chi nhánh thông qua việc phân cấp quản lý, ban hành định mức, đơn giá và các quy chế quản lý nội bộ. Kiểm tra thường xuyên thông qua hoạt động giao ban hàng tuần, kiểm điểm tình hình thực hiện kế hoạch hàng quý.

- **Công ty con: Công ty CP Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà**

Địa chỉ: Thôn Lại Xá – Xã Thanh Thủy - Thanh Hà - Hải Dương.

Lĩnh vực kinh doanh chính: Khai thác, cung cấp nước sạch và nước tinh khiết.

Vốn điều lệ thực góp: 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng)

Tỷ lệ sở hữu của Công ty CP tư vấn Sông Đà tại Công ty con: 73,48%

5. Định hướng phát triển:

• Các mục tiêu chủ yếu của Công ty :

- Phân đấu trở thành Công ty tư vấn mạnh trong nước cũng như trong khu vực về lĩnh vực tư vấn xây dựng, có đủ khả năng đảm nhận các công việc tư vấn cho các dự án của Tổng công ty Sông Đà đầu tư hoặc Tổng công ty Sông Đà được giao làm tổng thầu.
- Giữ vững ngành nghề tư vấn xây dựng truyền thống thủy điện, từng bước mở rộng ra các ngành nghề tư vấn xây dựng: hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghiệp, dân dụng.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tư vấn, cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn và ngoại ngữ tốt, nâng cao chất lượng sản phẩm tư vấn các dự án năng lượng ngang với các nước trong khu vực. Cùng cố và phát triển đội ngũ cán bộ tư vấn giám sát; tư vấn thiết kế dân dụng, hạ tầng kỹ thuật; tư vấn trong lĩnh vực nhiệt điện; tư vấn quản lý dự án để đáp ứng yêu cầu trong phát triển sản xuất kinh doanh.
- Không ngừng duy trì và phát triển hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008 trong toàn Công ty.
- Nâng cao năng lực quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty và các đơn vị trực thuộc.
- Hợp tác với các đơn vị tư vấn mạnh trong và ngoài nước, liên danh, liên kết, đào tạo và phối hợp tham gia đấu thầu, tư vấn các dự án mà Công ty còn chưa đủ năng lực tự thực hiện.

• Chiến lược phát triển trung và dài hạn :

- Xây dựng Công ty CP tư vấn Sông Đà thành một Công ty tư vấn xây dựng mạnh, phát triển bền vững với nguồn lực chất lượng cao và công nghệ hiện đại, đóng vai trò chủ chốt trong tổng thầu xây dựng và tổng thầu EPC của Tổng công ty Sông Đà.
- Đa dạng hoá, hiện đại hoá các dịch vụ tư vấn xây dựng: Giữ vững ngành nghề truyền thống (Thủy điện, thủy lợi) và từng bước mở rộng ra các ngành nghề mới (hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghiệp, dân dụng)
- Cơ cấu ngành nghề trong giá trị SXKD đến năm 2020 như sau :
 - + Giá trị tư vấn khảo sát thiết kế chiếm khoảng 60-75%.
 - + Giá trị tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát, thí nghiệm và tư vấn khác chiếm khoảng 25-40%.

• Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng công ty :

- Trong quá trình khảo sát, thiết kế các công trình thủy điện, dân dụng, công nghiệp, công ty luôn đặt mục tiêu giảm thiểu thấp nhất đến diện tích mất đất rừng, phòng ngừa và kìm hãm sự gia tăng ô nhiễm trong công nghiệp.
- Đối với xã hội: Công ty luôn động viên CBCNV hưởng ứng nhiệt tình các phong trào ủng hộ giúp đỡ người nghèo, nhân dân các vùng thiên tai bão lụt và biển đảo của Tổ quốc.
- Đối với cộng đồng công ty: Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp thông qua việc xây dựng văn hoá Doanh nghiệp, giáo dục ý thức đạo đức, nghề nghiệp cho CBCNV, phấn đấu xây dựng Công ty trở thành một tập thể đoàn kết, vững mạnh và phát triển bền vững.

6. Các rủi ro:

- Giống như rất nhiều doanh nghiệp khác hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, một trong những vấn đề mà Công ty thường xuyên phải đối mặt đó là sự chậm trễ trong việc thanh toán của khách hàng. Với ngành nghề kinh doanh là tư vấn đầu tư xây dựng, các khách hàng của Công ty chủ yếu là các chủ đầu tư xây dựng nên nhiều khi nhiệm vụ tư vấn của hợp đồng đã hoàn thành nhưng do khó khăn về vốn hoặc chủ đầu tư giữ lại chờ quyết toán nên chậm thanh toán cho đơn vị. Như vậy, Công ty luôn phải xem xét và cân đối nguồn vốn một cách hợp lý nhất có thể, tái cơ cấu tài chính một cách hợp lý có thể giúp Công ty hạn chế được rủi ro đặc thù này và tận dụng được hiệu quả tích cực của công cụ đòn bẩy tài chính.
- Bên cạnh đó, do đặc thù tính chất công việc của Công ty có hàm lượng chất xám cao, vì vậy yếu tố con người có thể coi là một trong những yếu tố quan trọng nhất. Trong điều kiện ngành xây dựng đang phát triển nhanh như ở Việt Nam hiện nay, trong lĩnh vực tư vấn xây dựng Công ty có rất nhiều đối thủ cạnh tranh nếu Công ty không có chính sách đãi ngộ tốt đối với người lao động cũng như không có kế hoạch dài hạn trong việc đào tạo nâng cao trình độ nguồn nhân lực thì Công ty sẽ phải đối mặt với nguy cơ chảy máu chất xám hoặc năng lực cán bộ không theo kịp yêu cầu công việc.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2016:

Mặc dù tình hình sản xuất kinh doanh tìm kiếm việc làm trong năm 2016 gặp nhiều khó khăn tuy nhiên về tổng thể trong năm 2016 Công ty vẫn hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Tập thể Ban lãnh đạo Công ty đã có sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ, công nhân viên đã đoàn kết, thống nhất với quyết tâm cao, chủ động, sáng tạo, triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm để thực hiện thành công các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Một số chỉ tiêu chủ yếu:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2016	TH năm 2016	Tỷ lệ HTKH
I	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đ	76.770	82.412	107,35%
1	Giá trị khảo sát và khoan phun	10 ⁶ đ	23.028	17.005	73.85%
2	Giá trị Tư vấn, Thiết kế	10 ⁶ đ	29.143	30.982	106.31%
3	Giá trị Thí nghiệm	10 ⁶ đ	24.600	34.424	139.94%
II	Kế hoạch tài chính				
1	Doanh thu	10 ⁶ đ	77.470	73.919	95,41%
2	Tổng chi phí	10 ⁶ đ	73.290	69.558	94,91%
3	Nộp Ngân sách	10 ⁶ đ	11.230	9.612	92,74%
4	Lợi nhuận	10 ⁶ đ			
-	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đ	4.180	4.361	104,33%
-	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đ	3.260	3.442	105,58%
5	Tỷ suất lợi nhuận				
-	Lợi nhuận cận biên	%	5,4%	5,9%	109,3%
-	Lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ	%	12,49%	13,19%	105,6%

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2016	TH năm 2016	Tỷ lệ HTKH
-	Lợi nhuận sau thuế / VCSH	%	6,36%	6,71%	105,4%
-	Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	2,24%	2,63%	117,1%
6	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	26.097	26.097	100,00%
7	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đ	51.228	51.328	100,2%
8	Tổng tài sản	10 ⁶ đ	145.500	131.123	90,12%
9	Hệ số phải trả / vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đ	1.84	1,55	84,48%
III	Kế hoạch đầu tư	10 ⁶ đ	13.520	3.150	23,30%

2. Tổ chức nhân sự:

• Danh sách Ban điều hành gồm:

➤ Họ và tên : ĐINH VĂN DUẤN

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 24/12/1974

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xã Tri Phương, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh.

Địa chỉ thường trú : P905, 162A Nguyễn Tuân, phường Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội.

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Thủy lợi, Thạc sỹ kỹ thuật.

Chức vụ hiện nay : Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc Công ty CP Tư vấn Sông Đà

Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

➤ Họ và tên : NGUYỄN ĐẠI THỤ

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 19/01/1975

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xã Gia Khánh - Huyện Gia Lộc - Tỉnh Hải Dương

Địa chỉ thường trú : 50 ngách 310/90 đường Nguyễn Văn Cừ, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng, Thạc sỹ kỹ thuật.

Chức vụ hiện nay : Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tư vấn Sông Đà

Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 2.209 cổ phần (mệnh giá 10.000 VNĐ/ cổ phần)

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không.

➤ Họ và tên: LÊ THỊ THIÊN KIM

Giới tính : Nữ

Chức vụ : Phó Tổng giám đốc

Ngày tháng năm sinh : 21/8/1963
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Phù Vân - Kim Bảng - Hà Nam.
Địa chỉ thường trú : Lô B-NV33-KĐT Trung Hoà Nhân Chính - Phường Nhân chính - Quận Thanh Xuân – Hà Nội
Trình độ văn hoá : 10/10
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán
Chức vụ hiện nay : Phó tổng giám đốc kiêm Chủ tịch Công đoàn Công ty
Số cổ phần nắm giữ : 51 cổ phần (mệnh giá 10.000 VNĐ/ cổ phần)
Những người liên quan nắm giữ cổ phần Công ty: Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

➤ **Họ và tên : LÊ MINH QUYẾT**

Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 07/8/1976
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Xã Duy Minh - Huyện Duy Tiên - Tỉnh Hà Nam
Địa chỉ thường trú : Số 41 - Ngõ 145 - Định công Thượng - P. Định công - Quận Hoàng Mai - Hà Nội
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính - Kế toán
Chức vụ hiện nay : Kế toán trưởng Công ty
Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 0 cổ phần
Những người liên quan nắm giữ cổ phần Công ty: Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

● **Những thay đổi trong Ban Điều hành: Không**

- Tổng số CBCNV có Hợp đồng lao động ≥ 1 năm (đến 31/12/2016) là: 288 người
- Trình độ trên đại học: 13 người; chiếm 4,51%
- Trình độ đại học: 162 người; chiếm 56,25 %
- Trình độ cao đẳng: 14 người; chiếm 4,86%
- Trình độ trung cấp: 24 người; chiếm 8,33 %
- Lái xe, công nhân kỹ thuật, phục vụ: 75 người; chiếm 26,04%

● **Các chính sách với người lao động :**

- Có chính sách đãi ngộ về lương, thưởng và cơ hội thăng tiến cho các cán bộ kỹ sư có năng lực nhằm khuyến khích người lao động luôn tâm huyết với công việc và gắn bó với Công ty.
- Thường xuyên quan tâm đến đời sống của CBCNV trong Công ty, đặc biệt là người lao động đang làm việc tại các công trình, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, phương tiện làm việc. Đa dạng hóa các hình thức khen thưởng, xây dựng cơ chế thưởng hợp lý nhằm động viên, khuyến khích CBCNV nhiệt tình công tác và nâng cao năng suất lao động. Chi trả lương và các chế độ khác kịp thời, đảm bảo đời sống cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- **Các khoản đầu tư lớn trong năm : Không có**

- Các Công ty con:

- Công ty CP Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà:

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu là cung cấp nước uống tinh khiết đóng chai và nước sinh hoạt. Trong năm 2016, do các nguyên nhân như thị phần tiêu thụ sản phẩm chưa cao do đó lợi nhuận chỉ đạt 7,5 triệu đồng.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

ĐVT: 10⁶ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	124.490	131.123	5%
2	Doanh thu thuần	81.887	72.870	-11%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.061	5.013	-1%
4	Lợi nhuận khác	-241	-653	-270%
5	Lợi nhuận trước thuế	4.820	4.361	-9%
6	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	10%	0

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/nợ ngắn hạn)	163,14%	136,68%
	- Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn	112,91%	107,28
2	Chỉ tiêu cơ cấu vốn		
	- Hệ số Nợ / Tổng tài sản	58,70%	60,85%
	- Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	142,13%	155,46%
3	Chỉ tiêu năng lực hoạt động		
	- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân)	1,9	1,66
	- Doanh thu thuần / Tổng tài sản	65,78%	55,57
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	4,48%	4,72%
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	7,13%	6,7%
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	2,95%	2,62%

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
	- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	6,18%	6,88%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần :

Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn: 2.609.710 cổ phần

Cổ phần đang lưu hành: 2.609.648 cổ phần

Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 2.609.648 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không

b) Cơ cấu cổ đông (chốt danh sách đến ngày 22/3/2017):

- Cổ đông sáng lập Tổng công ty Sông Đà : 1.331.100 cổ phần = 51,01% VDL
- Các cổ đông nước ngoài : 197.943 cổ phần = 7,60% VDL
- Cổ đông lớn -Phạm Anh Đức -TV HĐQT : 327.468 cổ phần = 12,55% VDL
- Cổ đông lớn -Phạm Minh Hoàng : 199.300 cổ phần = 7,64% VDL
- Cổ đông tổ chức trong nước khác : 6.732 cổ phần = 0,26% VDL
- Các cá nhân khác : 547.105 cổ phần = 20,96% VDL

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Không

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổng giá trị sản xuất kinh doanh đạt: 84,412 tỷ đồng/kế hoạch 76,77 tỷ đồng bằng 107% kế hoạch năm.
- Tổng doanh thu đạt: 73,92 tỷ đồng/kế hoạch 77,47 tỷ đồng bằng 95,4% kế hoạch năm.
- Tổng số tiền về tài khoản đạt: 71,5 tỷ đồng bằng 83,21% kế hoạch năm.
- Tổng giá trị lợi nhuận đạt: 4,36 tỷ đồng/kế hoạch 4,18 tỷ đồng bằng 104% kế hoạch năm.
- Đảm bảo việc làm cho hơn 300 CBCNV với thu nhập bình quân đạt: 12,16 triệu đồng/1 người/tháng.
- Hoàn thành việc chi trả cổ tức năm 2016 là 10% bằng tiền mặt.

1.1. Về tình hình thực hiện kế hoạch SXKD.

Mặc dù tình hình sản xuất kinh doanh tìm kiếm việc làm trong năm 2016 gặp nhiều khó khăn tuy nhiên về tổng thể trong năm 2016 Công ty vẫn hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra đạt được thành tích này chủ yếu là do trong năm 2016 giá trị sản lượng công tác thí nghiệm, Công tác tư vấn khác đều tăng vượt mức để hoạch đề ra, trong đó: Giá trị sản lượng công tác thí nghiệm đạt 140% kế hoạch; giá trị sản lượng công tác tư vấn xây dựng đạt 106% cụ thể như:

- Giá trị công tác khảo sát đạt: 17 tỷ đồng/kế hoạch 23 tỷ đồng bằng 74% kế hoạch năm.
- Giá trị công tác thiết kế, tư vấn giám sát, tư vấn khác đạt: 30,982 tỷ đồng/kế hoạch 29,143 tỷ đồng bằng 106% kế hoạch năm.
- Giá trị công tác kiểm tra vật liệu, đánh giá chất lượng Công trình đạt 34,424 tỷ đồng/kế hoạch 24,6 tỷ đồng đạt 140% kế hoạch.

Nguyên nhân công tác khảo sát không đạt sản lượng kế hoạch năm 2016:

- + Theo kế hoạch sản lượng công tác khảo sát thông qua thi trong đó Công trình thủy điện Nậm PhaK giá trị là 6 tỷ + Thủy điện Xekaman 4 là 4 tỷ. Tuy nhiên trong năm 2016 cả hai công trình này đều không triển khai thực hiện do đó làm giảm sản lượng của công tác khảo sát khoảng giảm 10 tỷ đồng đương đương khoảng 43,4% kế hoạch năm. Ban lãnh đạo công ty và xí nghiệp đã cố gắng tìm kiếm việc làm để bù đắp vào phần giá trị sản lượng bị giảm của 2 công trình trên mà nhờ đó giá trị sản lượng đã đạt 74% kế hoạch năm.

Về tình hình thực hiện doanh thu và thu hồi công nợ.

Trong năm 2016, mặc dù phải chịu ảnh hưởng bởi công tác chuẩn bị về nguồn vốn, thủ tục đầu tư, phê duyệt dự án, phê duyệt thiết kế của các Chủ đầu tư nhưng Công ty đã tập trung đẩy mạnh nghiệm thu thanh toán tại một số công trình có giá trị lớn như: Công trình thủy điện Nậm nghiệp 1 là: 21,14 tỷ đồng, Công trình thủy điện Tad Chiad là 5,9 tỷ đồng, công trình thủy điện Lai Châu là 9,03 tỷ đồng... Doanh thu toàn Công ty đạt 73,919 tỷ đồng/kế hoạch 77,470 tỷ đồng bằng 95% kế hoạch năm. Nguyên nhân chủ yếu không đạt kế hoạch doanh thu là do cơ chế thanh toán tại các công trình như: Nậm chiến, Xekaman 3; Pake ...

- Trong năm 2016, toàn Công ty thu tiền về tài khoản được 71,506 tỷ đồng bằng 83,21% kế hoạch năm. Nguyên nhân chủ yếu không đạt kế hoạch tiền về là do cơ chế thanh toán tại các công trình như: Nậm chiến, Xekaman 3; Pake..

Việc mất nhiều thời gian để hoàn thiện các thủ tục nghiệm thu thanh quyết toán một số công trình như thủy điện Bản Vẽ, Nậm Chiến, Sứ Pán 2, ĐăkĐrinh, Bản Chát, Xekaman 3... cũng là nguyên nhân khiến tổng giá trị công nợ và dở dang của Công ty vẫn còn lớn, tính đến 31/12/2016 là 151,11 tỷ đồng, trong đó giá trị sản lượng dở dang là 62,07 tỷ đồng, giá trị công nợ phải thu là 89,04 tỷ đồng.

1.2. Về tình hình thực hiện lợi nhuận.

Năm 2016, lợi nhuận của Công ty đạt 4,36 tỷ đồng / kế hoạch 4,18 tỷ đồng bằng 121% kế hoạch năm.

Mặc dù doanh thu thực hiện không đạt kế hoạch, tuy nhiên do Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp tiết kiệm chi phí đặc biệt là chi phí quản lý và lãi vay do đó đã hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận. Tổng giá trị lợi nhuận Công ty đạt: 4,361 tỷ đồng/kế hoạch 4,180 tỷ đồng bằng 104,3 % kế hoạch năm.

- Thu nhập bình quân CBCNV/tháng đạt: 12,16 triệu đồng/1 người/tháng/kế hoạch 10,79 triệu đồng/1 người/tháng đạt 113% kế hoạch;

1.3. Về tình hình thực hiện đầu tư.

- Công tác thoái vốn: Trong năm 2016 Công tác thoái vốn của Công ty CP Tư vấn Sông Đà tại một số Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết chưa triển khai.
- Công tác đầu tư: Năm 2016 Dự án đầu tư nâng cao năng lực máy móc thiết bị chưa

được triển khai; Đối với dự án đầu tư sửa chữa Trụ sở làm việc toà nhà G9 cơ bản hoàn thành.

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản:

Tổng tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2016: 131,123 tỷ đồng tăng 6,6 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó :

- Tài sản ngắn hạn: 109,064 tỷ đồng, tăng 5,7 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Do chi tiêu tiền và tương đương tiền giảm 3,78 tỷ đồng; các khoản phải thu ngắn hạn tăng 6,9 tỷ đồng, hàng tồn kho tăng 2,98 tỷ đồng và tài sản ngắn hạn khác giảm 0,4 tỷ đồng so với năm 2015.
- Tài sản dài hạn 22,059 tỷ đồng tăng 0,93 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Do các khoản phải thu dài hạn tăng 1 tỷ đồng; TSCĐ giảm 0,7 tỷ đồng, chi phí XDCB dở dang tăng 0,3 tỷ đồng so với năm 2015.

2.2. Tình hình nợ phải trả:

Tổng nợ phải trả của Công ty tại ngày 31/12/2016: 79,8 tỷ đồng tăng 6,8 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó :

- Nợ ngắn hạn: 69,83 tỷ đồng, tăng 5,66 tỷ đồng chủ yếu do năm 2016 Công ty đã nhận được tiền ứng trước của khách hàng nên số dư tăng thêm 5,5 tỷ đồng. Số tiền thu được Công ty đã dùng để thanh toán các khoản thuế, bảo hiểm xã hội nộp Nhà nước, trả vay Ngân hàng.
- Nợ dài hạn: 9,96 tỷ đồng tăng 1,06 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu tăng các khoản giữ lại các công trình trên khoản phải trả dài hạn khác.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

- Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc Công ty, định biên, sắp xếp bộ máy tổ chức từ các Phòng ban Công ty đến các Đơn vị trực thuộc nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Áp dụng hệ thống định mức, đơn giá nội bộ, lập kế hoạch giá thành trước khi giao khoán cho các Đơn vị trực thuộc; ban hành và hoàn thiện các quy chế quản lý tài chính để phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
- Luôn quan tâm đến công tác nghiệm thu, thanh toán, thu hồi vốn và công nợ, tiếp cận với các kênh huy động vốn để đảm bảo cung cấp đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Đơn vị. Chi trả lương kịp thời cho người lao động, không còn tình trạng nợ lương CBCNV kéo dài.
- Đẩy mạnh công tác quảng bá năng lực, tiếp thị, mở rộng thị trường, có cơ chế chính sách khuyến khích CBCNV tham gia tìm kiếm việc làm. Tập trung vào các sản phẩm truyền thống, đồng thời từng bước thay đổi cơ cấu sản phẩm theo định hướng phát triển của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Thực hiện chương trình tái cấu trúc và nâng cao quản trị của Công ty giai đoạn 2015 - 2017, tầm nhìn đến 2020” phù hợp với định hướng phát triển của Tổng công ty và tình hình thực tế của Công ty.
- Thực hiện thoái vốn, chuyển nhượng vốn của Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà tại một số khoản đầu tư dài hạn, đầu tư vào Công ty con, công ty liên doanh để tập trung

vốn vào hoạt động sản xuất kinh doanh chính nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và tăng sức cạnh tranh.

- Đầu tư nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ lãnh đạo và chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV. Có chính sách đãi ngộ hợp lý đối với người lao động nhằm xây dựng Công ty phát triển bền vững với đội ngũ CBCNV giỏi về chuyên môn nghiệp vụ và năng lực quản lý.
- Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị, ứng dụng các công nghệ tiên tiến vào sản xuất, kinh doanh nhằm nâng cao năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ tư vấn để đáp ứng với yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và quốc tế.
- Tích cực chỉ đạo đẩy nhanh công tác nghiệm thu, thanh toán thu hồi vốn tại các công trình đang triển khai, đồng thời giải quyết dứt điểm công nợ tồn đọng để đảm bảo vốn cho hoạt động kinh doanh và giảm chi phí lãi vay đến mức thấp nhất.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

• Những mặt làm được

- Trong năm 2016, Công ty đã đảm bảo tiến độ và chất lượng của công tác tư vấn đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư đồng thời góp phần hoàn thành các mục tiêu tiến độ thi công tại các công trình trọng điểm như thủy điện Đồng Nai 5 thủy điện Nậm Nghiệp 1, Bảo Lâm 2A, ...
- Bước đầu mở rộng và phát triển thị trường tư vấn thủy điện tại nước CHDCND Lào như thủy điện Nậm Nghiệp 1, cụm dự án thủy điện tại tỉnh Xiêng Khoảng, thủy điện Tadchiad. Bên cạnh đó, vẫn tiếp cận một số dự án thủy điện Nậm Theun 1, NậmSayNoy, Xekatom, Nậm Hinbun và các dự án thủy điện tại các nước khác.
- Về tình hình thực hiện kế hoạch sản lượng: Mặc dù công tác giá trị sản lượng công tác khảo sát trong năm 2016 không hoàn thành kế hoạch đề ra, nhưng về tổng thể trong năm 2016, Công ty vẫn hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra và đạt 107%. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2016 giá trị sản lượng công tác thí nghiệm, Giá trị tư vấn lập dự án, thiết kế, tư vấn giám sát, tư vấn khác đều tăng vượt mức kế hoạch đề ra, trong đó: Giá trị sản lượng công tác thí nghiệm đạt 140% kế hoạch; giá trị sản lượng Giá trị tư vấn lập dự án, thiết kế, tư vấn giám sát, tư vấn khác đạt 106% kế hoạch.
- Về tình hình thực hiện doanh thu và thu hồi công nợ: Năm 2016 mặc dù một số chủ đầu tư khó khăn về vốn như Công ty CP TĐ Nậm Chiến, Công ty CP điện Việt Lào... nhưng Công ty đã tập trung đẩy mạnh nghiệm thu thanh toán tại một số công trình có giá trị lớn như: Công trình Nậm Nghiệp 20,8 tỷ đồng, công trình thủy điện Lai Châu là 7,2 tỷ đồng, thủy điện Đồng Nai 5 là 4,2 tỷ đồng, TĐ Huội Quảng 4 tỷ đồng... nên toàn Công ty đã cơ bản hoàn thành kế hoạch đề ra, tổng giá trị doanh thu đạt 74 tỷ đồng 95% kế hoạch.
- Về tình hình thực hiện lợi nhuận: Trong năm 2016, Công ty đã áp dụng mọi biện pháp để tiết kiệm chi phí vì vậy tổng giá trị lợi nhuận cả năm 2016 đạt: 4,361 tỷ đồng đạt 104% kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước, người lao động, hoàn thành việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2016 cho các cổ đông.

• Những tồn tại:

- Sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm còn gặp nhiều khó khăn, chưa có bước phát triển đột phá.
- Tổng giá trị công nợ và chi phí dở dang của Công ty vẫn còn rất lớn trong tổng tài sản của Công ty, tính đến 31/12/2016 đạt 124,3 tỷ đồng, trong đó giá trị chi phí dở dang là 32,2 tỷ đồng, giá trị công nợ phải thu là 89 tỷ đồng.
- Công tác tiếp thị, quảng bá thương hiệu, giới thiệu, phát triển sản phẩm và tìm kiếm khách hàng mới, khách hàng tiềm năng của Công ty đã được chú trọng và tăng cường nhưng chưa đạt được kết quả như mong muốn.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc của Công ty:

- Trong năm 2016, HĐQT quản lý Công ty và thực hiện các chức trách nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Thường xuyên giám sát, chỉ đạo bộ máy điều hành các cấp, hàng quý họp với Ban Tổng giám đốc điều hành để kiểm điểm việc thực hiện SXKD trong quý, kế hoạch SXKD quý tiếp theo và việc thực hiện các nghị quyết, quyết định do HĐQT đã ban hành.
- HĐQT phối hợp với Ban kiểm soát chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bộ máy điều hành tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động SXKD, tổ chức công bố thông tin định kỳ và đột xuất theo quy định của Luật Chứng khoán, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tôn trọng và đảm bảo quyền của cổ đông, đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với các thành phần có liên quan khác trong xã hội.
- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc có thể được thực hiện theo một hoặc nhiều cách thức khác nhau như:
 - + Thông qua trao đổi, thảo luận, chất vấn giữa HĐQT và Ban TGD.
 - + Thông qua các báo cáo chi tiết, đầy đủ, kịp thời của Tổng Giám đốc về tiến độ thực hiện, những khó khăn, vướng mắc, phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp xử lý.
 - + Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban giám đốc điều hành về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
 - + Trực tiếp chỉ đạo và góp ý với Ban giám đốc điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị:

- Triển khai chiến lược sản xuất kinh doanh giai đoạn 2015 - 2017, tầm nhìn đến năm 2020 đã được phê duyệt.
- Xây dựng các biện pháp cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện toàn diện các kế hoạch để đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2017 đã được Tổng công ty thông qua.
- Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc công ty, định biên, sắp xếp lại bộ máy gián tiếp từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc nhằm nâng cao năng suất lao động, hiệu quả SXKD.
- Tiếp tục tổ chức và thực hiện công tác tiếp thị đấu thầu các dự án thuộc thế mạnh, ngành nghề kinh doanh chính của đơn vị để đảm bảo đủ việc làm cho năm 2017 và các năm tiếp theo. Phối hợp chặt chẽ với Ban đấu thầu TCT để tham gia tiếp thị đấu thầu các công trình thuộc ngành nghề kinh doanh chính của đơn vị.
- Nâng cao chất lượng công tác tư vấn thiết kế, công tác khảo sát lập dự án đầu tư, thiết kế biện pháp tổ chức thi công, công tác giám sát, xử lý kịp thời, nhanh chóng các vướng mắc về thiết kế trong thi công. Cải tiến và nâng cấp việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008 nhằm đảm bảo chất lượng sản

- phẩm tư vấn. Nghiên cứu đầu tư và củng cố tăng cường công tác kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên các thiết bị, phần mềm tính toán khảo sát, thiết kế theo hướng hiện đại.
- Hoàn thành việc thoái vốn tại các đơn vị: Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Nam – Canada, Công ty CP Đầu tư thương mại Sông Đà, Công ty CP ĐTPT Đô thị và Nông thôn Sông Đà và Công ty Cao su Phú Riềng.
 - Tập trung thu hồi công nợ, phân rõ trách nhiệm trong việc nghiệm thu, thanh toán, định kỳ hàng tháng phải kiểm tra và rà soát lại để đưa ra giải pháp phù hợp, khẩn trương thu hồi các khoản tạm ứng.
 - Đẩy mạnh quản trị chi phí, tiết kiệm chi tiêu: Thực hiện tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất và quản lý trên cơ sở định biên nhân sự, sắp xếp lại tổ chức, giảm các chi phí xăng xe, điện, nước, văn phòng phẩm...
 - Hàng quý tổ chức đánh giá, phân tích hoạt động kinh doanh từ Công ty đến các đơn vị, xí nghiệp để có giải pháp xử lý kịp thời các tồn tại phát sinh.
 - Đối với công tác đầu tư: Phải thực hiện đúng quy định của nhà nước, của Tổng công ty và Điều lệ, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
 - Tập trung tháo gỡ những vướng mắc, tồn tại trong hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng các chỉ tiêu và giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2017.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

HĐQT gồm có 5 thành viên

- Ông Nguyễn Văn Tiến - Chủ tịch HĐQT - Đại diện phần vốn của TCT Sông Đà.
- Ông Đinh Văn Duân - Thành viên HĐQT - Đại diện phần vốn của TCT Sông Đà.
- Ông Nguyễn Đại Thụ - Thành viên HĐQT - Đại diện phần vốn của TCT Sông Đà.
- Ông Cù Văn Vinh - Thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông với tỷ lệ sở hữu cổ phần có biểu quyết: 0.0003 %
- Ông Phạm Anh Đức - Thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông lớn với tỷ lệ sở hữu cổ phần có biểu quyết : 12,55 %

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

• Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị Công ty làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số. Mỗi Thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm vụ riêng của mình và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc đó. Giúp việc cho Hội đồng quản trị là các Phòng ban chức năng Công ty và thư ký Công ty.
- Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị đã thông qua chủ trương thành lập Tiểu ban “Nhân sự và chiến lược” và “Pháp chế và quản trị rủi ro”, hai Tiểu ban này sẽ hoạt động sau khi có Quyết định của Hội đồng quản trị về nhân sự và Quy chế hoạt động của Tiểu ban.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Các buổi họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Văn Tiến	Chủ tịch	05	100%	
2	Đình Văn Duẩn	TV HĐQT	05	100%	
3	Nguyễn Đại Thụ	TV HĐQT	05	100%	
4	Cù Văn Vinh	Thành viên HĐQT không điều hành	05	100%	
5	Phạm Anh Đức	Thành viên HĐQT không điều hành	05	100%	

• Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành

TT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày, tháng, năm	Nội dung
1	01/QĐ-HĐQT	04/01/2016	Quy định về chế độ công tác phí
2	02/NQ-HĐQT	14/01/2016	Tạm phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2016 của Công ty cổ phần tư vấn Sông Đà
3	03/NQ-HĐQT	14/01/2016	Tạm phê duyệt dự toán CPQL Công ty năm 2016
4	04/QĐ-HĐQT	22/01/2016	Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2016 của Công ty cổ phần tư vấn Sông Đà
5	05/QĐ-HĐQT	14/01/2016	Phê duyệt Hợp đồng dịch vụ tư vấn - Dự án nhà máy thủy điện Tad Chiad nước CHDCND Lào
6	06/NQ-HĐQT	25/03/2016	Họp HĐQT thường kỳ quý I/2016
7	07/NQ-HĐQT	25/03/2016	Quyết toán chi phí trả lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2015 và phương án chi trả năm 2016
8	08/NQ-HĐQT	31/03/2016	Công tác cán bộ
9	09/NQ-HĐQT	31/03/2016	Thương thảo, đàm phán hợp đồng thí nghiệm ép nước lỗ khoan tại CT thủy điện Nậm Nghiệp 1
10	10/NQ-HĐQT	31/03/2016	Thương thảo, đàm phán hợp đồng tư vấn Lập hồ sơ TKKT, TKBVTC CT thủy điện Đa Nhim thượng 2
11	11/QĐ-HĐQT	01/04/2016	Phê duyệt hợp đồng dịch vụ tư vấn thủy điện Đăk Ro Baye và Ro Manh - tỉnh Kôm Tum
12	12/QĐ-HĐQT	01/04/2016	Phê duyệt hợp đồng dịch vụ tư vấn Thẩm tra dự toán thiết kế BVTC - Công trình Tòa nhà T2
13	13/QĐ-HĐQT	27/04/2016	Phê duyệt hợp đồng thí nghiệm ép nước lỗ khoan tại CT thủy điện Nậm Nghiệp 1 – CHDCND Lào
14	14/QĐ-HĐQT	27/04/2016	Phê duyệt hợp đồng tư vấn lập hồ sơ TKKT, TKBVTC CT thủy điện Đa Nhim Thượng 2
15	15/QĐ-HĐQT	29/04/2016	Công tác tổ chức nhân sự
16	16/NQ-HĐQT	06/05/2016	Thương thảo, đàm phán hợp đồng tư vấn lập hồ sơ xin cấp phép xây dựng – DA Nhà máy công nghệ cao

TT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày, tháng, năm	Nội dung
			SDS Hà Nội tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc
17	17/NQ-HĐQT	06/05/2016	Tham gia chào giá cạnh tranh lựa chọn, thương thảo đàm phán và tổ chức thực hiện HĐ thí nghiệm XD thủy điện Đắk Lô 1,2,3
18	19/NQ-HĐQT	06/05/2016	Thương thảo, đàm phán, ký kết và tổ chức thực hiện Hợp đồng tư vấn giám sát thi công điện chiếu sáng - DA đầu tư XD và kinh doanh HTKT đồng bộ khu đô thị mới Nam An Khánh
19	20/NQ-HĐQT	11/05/2016	Tham gia chào giá cạnh tranh lựa chọn nhà thầu và thỏa thuận khung hợp đồng Khảo sát, lập HS TKKT - CT thủy điện Nậm Cùm 4
20	21/QĐ-HĐQT	06/05/2016	Phê duyệt hệ thống thang lương, bảng lương, chế độ phụ cấp lương và chuyển xếp lương theo Nghị định 49/2013/NĐ-CP
21	23/NQ-HĐQT	11/05/2016	Tham gia thương thảo, đàm phán và thỏa thuận khung hợp đồng Lập báo cáo hiệu chỉnh quy hoạch - Công trình thủy điện Bảo Lâm 2
22	24/NQ-HĐQT	11/05/2016	Tham gia thương thảo, đàm phán và thỏa thuận khung hợp đồng gói thầu thẩm tra TKKT - BVTC phần xây dựng - Công trình thủy điện Sứ Pán 1
23	25/NQ-HĐQT	11/05/2016	Tham gia thương thảo, đàm phán và thỏa thuận khung hợp đồng gói thầu Tư vấn thẩm tra BVTC-DT xây dựng - Công trình thủy điện Xuân Minh
24	26/NQ-HĐQT	13/05/2016	Triển khai công tác khoan khảo sát đánh giá điều kiện địa chất - CTTĐ Pake phục vụ TKKT
25	27/NQ-HĐQT	13/05/2016	Tham gia thương thảo, đàm phán và thỏa thuận khung hợp đồng gói thầu TVGS thi công cấp nước phần đầu nối từ nguồn vào KV 3,4 GE II - DA ĐTXD&KDHTKT đồng bộ khu ĐT Nam An Khánh
26	28/NQ-HĐQT	28/04/2016	Tham gia thương thảo, đàm phán và thỏa thuận khung hợp đồng gói thầu Khảo sát và Lập dự án đầu tư - Công trình thủy điện Bang Liêng 1 & Markchan
27	29/QĐ-HĐQT	27/05/2016	Phê duyệt hợp đồng tư vấn Khảo sát và Lập dự án đầu tư CT thủy điện Bang Liêng 1 & Markchan
28	30/NQ-HĐQT	03/06/2016	Phương án khoán nội bộ và thông qua nội dung Hợp đồng khoán nội bộ Dự án thủy điện Tad Chiad
29	31/NQ-HĐQT	03/06/2016	Phương án khoán nội bộ và thông qua nội dung Hợp đồng khoán nội bộ Công tác thi công khoan phun gia cố - Dự án thủy điện Nậm Ngiep 1
30	32/NQ-HĐQT	03/06/2016	Kế hoạch tổ chức nghỉ mát năm 2016
31	33/QĐ-HĐQT	09/06/2016	Phê duyệt Đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2016
32	34/NQ-HĐQT	09/06/2016	Phương án khoán năm 2016 của Chi nhánh Công ty cổ phần tư vấn Sông Đà - Trung tâm thí nghiệm
33	35/NQ-HĐQT	06/06/2016	Hợp HĐQT thường kỳ quý II/2016
34	36/NQ-HĐQT	21/06/2016	Ban hành phương án khoán nội bộ và hạch toán chi phí của chi nhánh, xí nghiệp trực thuộc Công ty cổ

TT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày, tháng, năm	Nội dung
			phần tư vấn Sông Đà
35	38/QĐ-HĐQT	21/06/2016	Thành lập Hội đồng chỉ đạo và xử lý kiểm kê 0 ^h ngày 01/07/2016
36	39/NQ-HĐQT	21/06/2016	Công tác tổ chức cán bộ
37	40/QĐ-HĐQT	21/06/2016	Phê duyệt mức lương Trưởng BKS chuyên trách
38	41/NQ-HĐQT	24/06/2016	Thông qua kế hoạch Đầu tư sửa chữa nhà làm việc Công ty cổ phần tư vấn Sông Đà
39	42/QĐ-HĐQT	30/06/2016	Tạm phê duyệt quy định thanh toán lương khối văn phòng cơ quan Công ty và bộ phận gián tiếp Chi nhánh – Xi nghiệp Khảo sát
40	43/QĐ-HĐQT	30/06/2016	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và quyền lợi của Thư ký Công ty
41	44/NQ-HĐQT	30/06/2016	Thông qua nội dung hợp đồng khoán nội bộ năm 2016 của Chi nhánh Công ty - Trung tâm thí nghiệm
42	45/NQ-HĐQT	29/06/2016	Thông qua kế hoạch tiếp thị đấu thầu 6 tháng cuối năm 2016 – Đợt 1
43	46/NQ-HĐQT	30/06/2016	Tham gia đấu thầu gói thầu EPC hạng mục Nhà chứa kho nguyên liệu (02 nhà kho) – Công trình nhà máy sản xuất Phốt pho vàng công suất 20.000 tấn/năm
44	46A/NQ-HĐQT	30/06/2016	Thông qua phương án thanh lý tài sản
45	47/QĐ-HĐQT	04/07/2016	Công tác tổ chức cán bộ
46	48/NQ-HĐQT	05/07/2016	Công tác tổ chức cán bộ
47	50/QĐ-HĐQT	08/07/2016	Quy chế phân cấp và quản lý hợp đồng của Công ty
48	51/NQ-HĐQT	21/07/2016	Công tác tổ chức cán bộ
49	52/QĐ-HĐQT	20/07/2016	Quy định xây dựng, quản lý và báo cáo thực hiện kế hoạch của Công ty
50	53/NQ-HĐQT	21/07/2016	Công tác tổ chức cán bộ
51	54/NQ-HĐQT	21/07/2016	Tham gia thương thảo, đàm phán và thỏa thuận khung hợp đồng gói thầu khảo sát và lập dự án đầu tư - Công trình Xe Noy (Lào)
52	55/QĐ-HĐQT	21/07/2016	Quy định chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của các phòng chức năng Công ty
53	56/NQ-HĐQT	04/08/2016	Họp HĐQT thường kỳ quý III/2016
54	57/NQ-HĐQT	04/08/2016	Tham gia thương thảo đàm phán và thỏa thuận khung hợp đồng gói thầu PK-04-01: Khảo sát, TKKT, TKBVTC - DA Thủy điện PaKe
55	58/NQ-HĐQT	11/08/2016	Công tác tổ chức cán bộ
56	59/NQ-HĐQT	16/08/2016	Tham gia thương thảo đàm phán và thỏa thuận khung hợp đồng gói thầu TKBVTC hai hầm phụ Mucking & Adit 2 - DA Thủy điện Nậm Theun 1
57	60/NQ-HĐQT	17/08/2016	Thông qua nội dung phụ lục khoán chi phí chung của Hợp đồng khoán nội bộ công tác khảo sát - DA Thủy

TT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày, tháng, năm	Nội dung
			điện Balieng & Markchan
58	61/NQ-HĐQT	17/08/2016	Thông qua nội dung phụ lục khoản chi phí chung của Hợp đồng khoán nội bộ công tác khoan phun gia cố đập chính - DA thủy điện Nam Ngiep 1
59	62/NQ-HĐQT	17/08/2016	Thông qua nội dung phụ lục khoản chi phí chung của Hợp đồng khoán nội bộ - DA thủy điện Tad Chiad
60	63/NQ-HĐQT	17/08/2016	Thông qua nội quy lao động của Công ty
61	64/QĐ-HĐQT	17/08/2016	Quy định quản lý và sử dụng con dấu của Công ty
62	65/QĐ-HĐQT	17/08/2016	Phê duyệt định biên nhân sự năm 2016 của Công ty
63	66/QĐ-HĐQT	21/08/2016	Phê duyệt hợp đồng tư vấn khảo sát và lập dự án đầu tư công trình TĐ Xe Noy - CHDCND Lào
64	67/QĐ-HĐQT	30/08/2016	Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án đầu tư sửa chữa nhà làm việc Công ty
65	68/QĐ-HĐQT	21/09/2016	Phê duyệt KHĐT dự án sửa chữa làm việc Công ty
66	69/NQ-HĐQT	21/09/2016	Thông qua phụ lục khoản chi phí chung của Hợp đồng khoán nội bộ công tác lập dự án đầu tư - Dự án thủy điện Balieng & Markchan
67	70/NQ-HĐQT	21/09/2016	Thông qua chủ trương thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ
68	71/QĐ-HĐQT	21/09/2016	Khen thưởng Ban điều hành Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà năm 2014 và 2015
69	72/QĐ-HĐQT	21/09/2016	Phê duyệt hợp đồng gói thầu PK-04-01: Khảo sát; Thiết kế kỹ thuật; Thiết kế bản vẽ thi công - Dự án thủy điện PaKe
70	73/QĐ-HĐQT	21/09/2016	Thay đổi người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà tại Công ty cổ phần phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà
71	74/NQ-HĐQT	21/09/2016	Thông qua nội dung HĐ khoán nội bộ và nội dung phụ lục khoản chi phí chung công tác thí nghiệm ép nước lỗ khoan - DA thủy điện Nam Ngiep 1
72	75/NQ-HĐQT	28/09/2016	Công tác tổ chức cán bộ
73	76/QĐ-HĐQT	28/09/2016	Phê duyệt nội dung hợp đồng dịch vụ tư vấn gói thầu TKBVTC hai Hầm phục Mucking & Adit 2 - Công trình thủy điện Nam Theun 1
74	77/QĐ-HĐQT	28/09/2016	Phê duyệt nội dung hợp đồng vay vốn phục vụ sửa chữa nhà làm việc Công ty
75	81/QĐ-HĐQT	05/10/2016	Bổ nhiệm phó trưởng phòng TCHC Công ty
76	86/QĐ-HĐQT	18/10/2016	Bổ nhiệm Thư ký Công ty
77	87/QĐ-HĐQT	18/10/2016	Miễn nhiệm Thư ký Công ty
78	88/QĐ-HĐQT	18/10/2016	Phê duyệt nội dung Hợp đồng gói thầu số 01: Cải tạo nhà G9 giai đoạn I-2; I-3; I-4 - Dự án đầu tư sửa chữa nhà làm việc Công ty
79	89/NQ-HĐQT	18/10/2016	Thông qua chủ trương tham gia thương thảo, đàm phán và thỏa thuận khung hợp đồng gói thầu thí

TT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày, tháng, năm	Nội dung
			thí nghiệm vật liệu và thí nghiệm kiểm tra chất lượng thi công - CT Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn 4
80	90/QĐ-HĐQT	18/10/2016	Quy định tạm thời Hệ thống thang lương, bảng lương, chế độ phụ cấp lương và chuyển xếp lương mới của Công ty
81	91/NQ-HĐQT	18/10/2016	Công tác tổ chức cán bộ
82	92/NQ-HĐQT	20/10/2016	Thông qua nội dung hợp đồng khoán nội bộ và nội dung phụ lục khoán CPC công tác khảo sát, TKKT-TKBVTC gói thầu PK-04-01 - Dự án thủy điện PaKe
83	93/NQ-HĐQT	28/10/2016	Họp HĐQT thường kỳ quý IV/2016
84	96/QĐ-HĐQT	17/11/2016	Phê duyệt phương án thanh lý tài sản và công cụ dụng cụ của Công ty
85	97/QĐ-HĐQT	17/11/2016	Phê duyệt nội dung Hợp đồng gói thầu số 02: Giai đoạn 2 phần chi phí xây dựng (Mục: Phá dỡ + phần thân) - Dự án đầu tư sửa chữa nhà làm việc Công ty
86	98/NQ-HĐQT	17/11/2016	Họp HĐQT tháng 11/2016
87	99/NQ-HĐQT	29/11/2016	Bổ sung KH tiếp thị đấu thầu 06 TCN 2016 và thông qua chủ trương tham gia thương thảo, đàm phán và thỏa thuận khung HĐ gói thầu khảo sát giai đoạn NCKT, TKKT - CTTĐ Bảo Lâm 2A
88	103/QĐ-HĐQT	01/12/2016	Phê duyệt chủ trương mua thiết bị thí nghiệm phục vụ công tác thí nghiệm - DA Nậm Nghiệp 1 - Lào
89	105/NQ-HĐQT	09/12/2016	Công tác tổ chức cán bộ
90	106/NQ-HĐQT	09/12/2016	Công tác tổ chức cán bộ
91	107/NQ-HĐQT	09/12/2016	Công tác tổ chức cán bộ
92	108/QĐ-HĐQT	15/12/2016	Phê duyệt nội dung hợp đồng tư vấn gói thầu khảo sát giai đoạn NCKT, TKKT - CTTĐ Bảo Lâm 2A
93	109/QĐ-HĐQT	20/12/2016	Thành lập Hội đồng chỉ đạo và xử lý kiểm kê 0h ngày 01/01/2017 của Công ty
94	110/QĐ-HĐQT	20/12/2016	Miễn nhiệm Phó trưởng phòng TCKT Công ty
95	111/QĐ-HĐQT	20/12/2016	Bổ nhiệm Phó trưởng phòng TCKT Công ty
96	112/QĐ-HĐQT	20/12/2016	Phê duyệt nội dung hợp đồng gói thầu thí nghiệm vật liệu và thí nghiệm kiểm tra chất lượng thi công - Công trình Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn 4
97	113/NQ-HĐQT	20/12/2016	Công tác tổ chức cán bộ
98	115/QĐ-HĐQT	22/12/2016	Hủy bỏ Quyết định số 53/QĐ-HĐQT ngày 18/11/2015 của Hội đồng quản trị Công ty
99	116/QĐ-HĐQT	22/12/2016	Hủy bỏ Nghị quyết số 31/NQ-HĐQT ngày 03/06/2016 và Nghị quyết số 61/NQ-HĐQT ngày 17/08/2016 của Hội đồng quản trị Công ty

2. Ban kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm có 3 thành viên

- Bà Bùi Thị Kim Khánh - Trưởng ban - Đại diện phần vốn của Tổng công ty Sông Đà với tỷ lệ sở hữu cổ phần có biểu quyết: 5%
- Ông Nguyễn Minh Tiến - Cổ đông với tỷ lệ sở hữu cổ phần có biểu quyết: 0,111%
- Bà Nguyễn Quỳnh Trang - Đại diện cho cổ đông lớn, tỷ lệ sở hữu cổ phần : 0%

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2016, Ban kiểm soát đã tiến hành hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty.

Ngay sau Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016, Ban kiểm soát đã họp, kiện toàn lại tổ chức và phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Ban.

Ngày 13/7/2016, Ban kiểm soát đã ban hành quy chế tổ chức hoạt động của Ban.

Hoạt động chủ yếu của Ban kiểm soát là kiểm tra, giám sát tình hình tài chính và Công tác quản lý điều hành của Công ty. Cụ thể:

- Giám sát hoạt động quản trị và Ban điều hành Công ty thông qua việc tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban hàng tuần, hàng tháng do Tổng giám đốc tổ chức, qua đó thường xuyên nắm bắt về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình triển khai thực hiện chủ trương định hướng và các chỉ tiêu đã được nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trong các cuộc họp, Ban kiểm soát đã tham gia đóng góp ý kiến thiết thực về các vấn đề cần lưu ý trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xem xét các tờ trình của Tổng giám đốc và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành.
- Xem xét tính hợp lý phù hợp theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty đối với các văn bản quản lý nội bộ đã ban hành trong năm.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo đúng các quy định của Pháp luật.
- Kiểm soát tình hình tài chính, thông qua việc thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, năm của Công ty. Phối hợp với Công ty kiểm toán xem xét ảnh hưởng của những sai sót trọng yếu trong kế toán và báo cáo tài chính nhằm phản ánh trung thực, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tại thời điểm báo cáo.

Kiểm tra công tác lập báo cáo kế toán quản trị hàng quý. Kiểm tra tình hình quản lý Doanh thu, chi phí, tài sản, công nợ và tình hình thực hiện một số hợp đồng giao khoán nội bộ.

Nhìn chung, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn được cung cấp đầy đủ thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty. Nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc & các Phòng ban trong Công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao. Năm 2016 Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào từ Cổ đông về hoạt động quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị & Ban Tổng giám đốc Công ty.

- Ban kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc:
 - Có các biện pháp quyết liệt hơn nữa trong công tác thu hồi vốn để giảm giá trị dở dang và công nợ phải thu còn tồn đọng lớn tại các công trình.

- Đẩy nhanh tiến độ tái cấu trúc Công ty: Thực hiện công tác thoái vốn đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn. Hoàn thiện mô hình Tổ chức sản xuất, mô hình hạch toán, phù hợp với đề án đã được Tổng công ty Sông Đà phê duyệt & yêu cầu quản lý của Công ty.
- Đôn đốc việc trình, duyệt dự án đầu tư nâng cao năng lực Công ty. Hoàn thành công tác sửa chữa trụ sở làm việc và thực hiện quyết toán dự án theo quy định.
- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế và ban hành các quy trình quản lý nội bộ của Công ty cho phù hợp với quy định của Pháp luật và phù hợp với mô hình tái cấu trúc của Công ty.
- Hội đồng quản trị xem xét & ban hành quy chế tổ chức & hoạt động của Hội đồng quản trị.
- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy quản trị rủi ro, xây dựng và ban hành các quy chế, quy trình nội bộ liên quan đến công tác quản trị rủi ro. Đưa công tác quản trị rủi ro đi vào thực tiễn, nhằm thực hiện đúng quy định, giảm thiểu sai sót, nguy cơ rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động sản xuất kinh của Công ty.
- Chú trọng đến công tác tuyển dụng, đào tạo để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đội ngũ cán bộ quản lý nhằm tạo lợi thế cạnh tranh cho Doanh nghiệp.

3. Các giao dịch, thù lao và các lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát:

- a. Lương thưởng, thù lao và các lợi ích : Có phụ lục kèm theo
- b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ : Không có
- c. Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ : Không có
- d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		109.980.892.232	104.164.264.386
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.245.085.156	8.001.661.015
1. Tiền	111		3.245.085.156	5.001.661.015
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	3.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		69.711.794.294	62.767.447.231
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	70.686.373.802	60.173.765.552
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		443.768.936	106.380.215
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		7.034.044.240	7.034.044.240
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	14.503.667.245	17.757.071.412
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(22.956.059.929)	(22.303.814.188)
III. Hàng tồn kho	140	10	35.411.962.439	32.360.907.053
1. Hàng tồn kho	141		35.411.962.439	32.360.907.053
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		612.050.343	1.034.249.087
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		197.374.643	608.487.069
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		414.675.700	425.762.018
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.077.851.431	24.314.580.866
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.307.203.638	14.974.165.354
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	15.109.660.864	14.176.624.580
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	1.197.542.774	797.540.774
II. Tài sản cố định	220		4.895.479.462	5.799.982.406
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	4.895.479.462	5.799.982.406
- Nguyên giá	222		26.492.581.400	28.169.255.489
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.597.101.938)	(22.369.273.083)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		50.000.000	50.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(50.000.000)	(50.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	13	1.670.403.555	1.305.632.745
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.670.403.555	1.305.632.745
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	1.877.889.647	1.877.889.647
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.374.000.000	4.374.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.496.110.353)	(2.496.110.353)
V. Tài sản dài hạn khác	260		326.875.129	356.910.714
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		326.875.129	356.910.714
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		135.058.743.663	128.478.845.252

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		80.885.771.975	74.303.777.864
I. Nợ ngắn hạn	310		70.293.968.901	64.709.039.132
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	5.937.200.549	5.916.028.392
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		19.675.407.445	14.160.578.960
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	1.270.273.103	2.061.263.584
4. Phải trả người lao động	314		23.945.352.762	23.688.363.069
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		854.096.269	289.951.875
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	16.654.409.609	15.039.343.498
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	1.161.579.609	2.653.757.329
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		795.649.555	899.752.425
II. Nợ dài hạn	330		10.591.803.074	9.594.738.732
1. Phải trả người bán dài hạn	331	15	4.757.614.369	4.751.377.293
2. Phải trả dài hạn khác	337	16	4.111.994.643	3.174.132.054
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	421.675.320	305.700.000
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		630.106.423	693.117.066
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		670.412.319	670.412.319
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		54.172.971.688	54.175.067.388
I. Vốn chủ sở hữu	410		54.172.971.688	54.175.067.388
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	26.097.100.000	26.097.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		26.097.100.000	26.097.100.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	19	8.502.618.712	8.502.618.712
3. Cổ phiếu quỹ	415	19	(620.000)	(620.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	13.287.458.313	13.148.748.099
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	5.985.763.572	6.128.566.831
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.460.811.487	4.964.366.901
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		3.524.952.085	1.164.199.930
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		300.651.091	298.653.746
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		135.058.743.663	128.478.845.252

Hoàng Thị Minh Hiền
 Người lập biểu

Lê Minh Quyết
 Kế toán trưởng

Đình Văn Duẩn
 Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		73.543.944.618	86.085.327.124
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.950.000	105.377.644
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		73.541.994.618	85.979.949.480
4. Giá vốn hàng bán	11		56.627.869.878	61.810.751.610
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		16.914.124.740	24.169.197.870
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	971.667.185	681.172.923
7. Chi phí tài chính	22	22	172.682.578	4.927.683.046
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		172.682.578	757.037.316
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	523.051.257
9. Chi phí bán hàng	25		54.607.421	179.060.075
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	12.647.976.625	17.098.062.371
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		5.010.525.301	3.168.616.558
12. Thu nhập khác	31	23	107.855.454	704.325.677
13. Chi phí khác	32	24	735.062.203	889.075.915
14. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(627.206.749)	(184.750.238)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.383.318.552	2.983.866.320
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	919.379.766	1.152.648.036
17. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(63.010.643)	693.117.066
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		3.526.949.429	1.138.101.218
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		3.524.952.085	1.164.199.930
18.2 Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.997.344	(26.098.712)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.351	334

Hoàng Thị Minh Hiền
 Người lập biểu

Lê Minh Quyết
 Kế toán trưởng

Đình Văn Duẩn
 Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.383.318.552	2.983.866.320
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	904.502.944	1.020.874.241
Các khoản dự phòng	03	652.245.741	2.390.684.894
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.034.662.639)	2.492.548.017
Chi phí lãi vay	06	172.682.578	757.037.316
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.078.087.176	9.645.010.788
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(9.760.494.770)	(389.713.209)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3.051.055.386)	(1.418.863.078)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	8.147.113.561	(19.445.832.851)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	441.148.011	(391.826.937)
Tiền lãi vay đã trả	14	(172.682.578)	(757.037.316)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(941.183.302)	(2.238.708.020)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.023.500.000)	(882.525.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.282.567.288)	(15.879.495.623)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(364.770.810)	(1.172.001.085)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	64.945.454	14.030.000
3. Tiền thuần từ thu hồi đầu tư vốn đơn vị khác	26	-	26.093.330.688
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.811.667.185	720.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.511.841.829	25.655.359.603
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.632.245.270	6.253.507.602
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.008.447.670)	(11.938.501.948)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.609.648.000)	(2.609.648.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.985.850.400)	(8.294.642.346)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(3.756.575.859)	1.481.221.634
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	8.001.661.015	6.520.439.381
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	4.245.085.156	8.001.661.015

Hoàng Thị Minh Hiền
 Người lập biểu

Lê Minh Quyết
 Kế toán trưởng

Đình Văn Duẩn
 Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Tư vấn Xây dựng Sông Đà theo Quyết định số 1680/QĐ-BXD ngày 28 tháng 10 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105454 sửa đổi lần thứ 14 ngày 18 tháng 5 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 302 người (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 323 người).

Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Lắp đặt hệ thống điện
- Kiểm tra, phân tích kỹ thuật
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Xây dựng công trình và kỹ thuật dân dụng khác
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Hoạt động thiết kế dân dụng
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con:

- Công ty con: Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân riêng và hạch toán phụ thuộc:

- Xí nghiệp khảo sát xây dựng.
- Trung tâm thí nghiệm.



Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể xem Thuyết minh số 30.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm trước. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày kết thúc năm tài chính. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

01
CỔ
PH.
ÔN
TU

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	<u>Năm nay</u> <u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

105
77
TU
Đ
TP

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	283.766.030	122.572.734
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.961.319.126	4.879.088.281
Các khoản tương đương tiền (i)	1.000.000.000	3.000.000.000
	4.245.085.156	8.001.661.015

(i) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 thể hiện số dư tiền gửi trị giá 1 tỷ VND (31/12/2015: 3 tỷ VND) có kỳ hạn gốc là 1 tháng tại ngân hàng thương mại.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<u>Số cuối năm</u> VND		<u>Số đầu năm</u> VND	
	Giá trị sổ sách	Dự phòng	Giá trị sổ sách	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4.374.000.000	(2.496.110.353)	4.374.000.000	(2.496.110.353)
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng - Kratie	2.400.000.000	(2.400.000.000)	2.400.000.000	(2.400.000.000)
Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam-Canada	474.000.000	(96.110.353)	474.000.000	(96.110.353)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do các đơn vị được đầu tư chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

15
Y
V
A
H

Thông tin chi tiết về các công ty nhận đầu tư của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng-Kratie	Thôn Phú Lợi, xã Phú Riềng, huyện Bù Gia Mập, Bình Phước	0,60%	0,60%	Sản xuất sản phẩm từ cao su
Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam-Canada	Nhà G10 số 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Hà Nội	10%	10%	Tư vấn kỹ thuật
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà (i)	Phòng 504 Tòa nhà CT2 - Khu đô thị Văn Khê, Hà Đông, Hà Nội	13,07%	13,07%	Xây dựng và bất động sản

- (i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà ngày 23 tháng 4 năm 2016 phê duyệt chi trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2015 của công ty này là 10% bằng cổ phiếu. Theo đó, tỷ lệ sở hữu cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 không thay đổi so với thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 mặc dù số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ tại công ty này tăng lên.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	70.686.373.802	60.173.765.552
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	5.605.812.092	5.605.812.092
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	3.374.960.965	4.332.366.906
Ban điều hành dự án thủy điện Xêkaman 3	5.271.107.133	3.065.979.647
Ban điều hành dự án Thủy điện Đồng Nai 5	5.820.556.757	4.485.993.270
Các khoản phải thu khách hàng khác	50.613.936.855	42.683.613.637
b. Phải thu dài hạn của khách hàng	15.109.660.864	14.176.624.580
Ban điều hành dự án Thủy điện Lai Châu	2.816.437.001	3.243.507.861
Công ty Cổ phần Thủy điện Đak đrinh	2.370.646.709	2.336.258.537
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	855.860.755	855.860.755
Các khoản phải thu khách hàng khác	9.066.716.399	7.740.997.427
	85.796.034.666	74.350.390.132
c. Phải thu khách hàng các bên liên quan trọng yếu (Thuyết minh số 29)	27.827.088.017	23.604.729.961

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
a. Ngắn hạn	14.503.667.245	17.757.071.412
- Cầm cố, ký cược ngắn hạn (i)	8.289.010.472	10.439.850.917
- Tạm ứng cho các tổ, đội	3.214.324.110	3.586.565.851
- Lãi cho vay phải thu Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	2.034.988.077	2.034.988.077
- Cổ tức phải thu của các đơn vị nhận đầu tư	238.050.000	1.080.000.000
- Phải thu ngắn hạn khác	727.294.586	615.666.567
b. Dài hạn	1.197.542.774	797.540.774
- Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	435.933.180	35.931.180
- Các khoản phải thu khác	761.609.594	761.609.594
	15.701.210.019	18.554.612.186
c. Phải thu khác các bên liên quan trọng yếu (Thuyết minh số 29)	2.034.988.077	2.034.988.077

- (i) Khoản cầm cố, ký cược ngắn hạn bao gồm khoản 7.486.402.984 VND giá trị chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn phát hành ngày 29 tháng 7 năm 2015 được cầm cố để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ đầy đủ và đúng hạn của Công ty theo các hợp đồng cấp tín dụng ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá ngày 25 tháng 8 năm 2015.

TH

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SỐNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm VND		Số đầu năm (trình bày lại) VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu				
Ban điều hành thủy điện Xekaman 3	6.031.378.813	2.965.399.166	3.826.251.327	946.180.023
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	2.965.399.166	2.965.399.166	760.271.680	760.271.680
- Quá hạn thanh toán trên 6 tháng	3.065.979.647	-	3.065.979.647	185.908.343
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	6.461.672.847	3.023.443.020	6.461.672.847	2.923.443.020
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	2.923.443.020	2.923.443.020	3.779.303.775	2.923.443.020
- Quá hạn thanh toán trên 6 tháng	3.538.229.827	100.000.000	2.682.369.072	-
Đối tượng khác	89.004.193.025	72.552.342.570	82.617.078.144	66.731.565.087
	101.497.244.685	78.541.184.756	92.905.002.318	70.601.188.130

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	15.686.363	-	18.238.811	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	35.392.134.076	-	32.339.713.242	-
Thành phẩm	4.142.000	-	2.869.000	-
Hàng hóa	-	-	86.000	-
	35.411.962.439	-	32.360.907.053	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.200.014.669	2.812.647.155	(3.575.708.973)	436.952.851
Thuế thu nhập doanh nghiệp	279.467.609	919.379.766	(941.183.302)	257.664.073
Thuế thu nhập cá nhân	42.632.219	989.057.923	(1.022.690.202)	8.999.940
Tiền thuế đất/Thuế đất	534.932.480	152.618.454	(152.618.454)	534.932.480
Các khoản phải nộp khác	4.216.607	79.311.474	(51.804.322)	31.723.759
	2.061.263.584	4.953.014.772	(5.744.005.253)	1.270.273.103

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

12. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	8.567.444.595	11.925.019.369	7.423.865.725	252.925.800	28.169.255.489
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.244.551.537)	(398.122.552)	(34.000.000)	(1.676.674.089)
Số dư cuối năm	8.567.444.595	10.680.467.832	7.025.743.173	218.925.800	26.492.581.400
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	6.468.464.672	8.411.103.028	7.352.323.759	137.381.624	22.369.273.083
Khấu hao trong năm	83.959.200	676.026.514	71.541.966	72.975.264	904.502.944
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.244.551.537)	(398.122.552)	(34.000.000)	(1.676.674.089)
Số dư cuối năm	6.552.423.872	7.842.578.005	7.025.743.173	176.356.888	21.597.101.938
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	2.098.979.923	3.513.916.341	71.541.966	115.544.176	5.799.982.406
Tại ngày cuối năm	2.015.020.723	2.837.889.827	-	42.568.912	4.895.479.462

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 18, Công ty đã thể chấp phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 0 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 71.754.966 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 18.502.234.936 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 18.582.750.116 VND).

13. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Căn hộ thuộc dự án City view Sông Đà - Hà Đông	1.074.800.750	1.074.800.750
- Sửa chữa nhà G9	595.602.805	230.831.995
	1.670.403.555	1.305.632.745

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	Thôn Lại Xá - Xã Thanh Thủy - Huyện Thanh Hà - Tỉnh Hải Dương	73,48%	73,48%	Xử lý nước, dịch vụ và trang thiết bị

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u> VND		<u>Số đầu năm</u> VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	5.937.200.549	5.937.200.549	5.916.028.392	5.916.028.392
Công ty Tư vấn Xây dựng điện 1	1.051.294.516	1.051.294.516	608.966.885	608.966.885
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	-	-	792.745.389	792.745.389
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	602.821.170	602.821.170	602.821.170	602.821.170
Các đối tượng khác	4.283.084.863	4.283.084.863	3.911.494.948	3.911.494.948
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	4.757.614.369	4.757.614.369	4.751.377.293	4.751.377.293
Viện Thiết kế Thủy công Côn Minh	1.630.440.560	1.630.440.560	1.630.440.560	1.630.440.560
Viện Thiết kế Thủy công TASKENT	810.664.418	810.664.418	810.664.418	810.664.418
Ban điều hành dự án Thủy điện Xékaman 3	577.654.055	577.654.055	577.654.055	577.654.055
Các đối tượng khác	1.738.855.336	1.738.855.336	1.732.618.260	1.732.618.260
	10.694.814.918	10.694.814.918	10.667.405.685	10.667.405.685

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a) Ngắn hạn	16.654.409.609	15.039.343.498
- Phải trả các tổ, đội thi công	13.990.299.260	12.349.868.618
- Kinh phí công đoàn và các khoản bảo hiểm	409.024.926	409.431.516
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.255.085.423	2.280.043.364
b) Dài hạn	4.111.994.643	3.174.132.054
Phần trăm giữ lại chờ hết hạn bảo hành	4.111.994.643	3.174.132.054
	20.766.404.252	18.213.475.552

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>Số đầu năm</u> VND		<u>Trong năm</u> VND		<u>Số cuối năm</u> VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	2.653.757.329	2.653.757.329	2.148.869.950	(3.702.747.670)	1.099.879.609	1.099.879.609
Nợ dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh số 18)	-	-	305.700.000	(244.000.000)	61.700.000	61.700.000
	2.653.757.329	2.653.757.329	2.454.569.950	(3.946.747.670)	1.161.579.609	1.161.579.609

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số HĐ.01/2015/HĐTDHM/NHCT127-TVSD ngày 18 tháng 10 năm 2015. Hạn mức tối đa là 20.000.000.0000 VND để bổ sung vốn lưu động với mức lãi suất theo giấy nhận nợ, thời hạn theo từng lần giải ngân nhưng tối đa không quá 8 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất thời hạn 50 năm tại nhà G9, số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội và tài sản cố định là xe ô tô Camry ACV40L theo các hợp đồng thế chấp tài sản cho các hợp đồng tín dụng đã tắt toán nhưng được ngân hàng chấp nhận tiếp tục sử dụng để đảm bảo cho khoản vay hiện tại theo Hợp đồng số HĐ.01/2015/HĐTDHM/NHCT127-TVSD.

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	VND		VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	305.700.000	305.700.000	483.375.320	(305.700.000)	483.375.320	483.375.320
	305.700.000	305.700.000	483.375.320	(305.700.000)	483.375.320	483.375.320
Trong đó:						
- Số phải trả trong vòng 12 tháng					61.700.000	
- Số phải trả sau 12 tháng	305.700.000				421.675.320	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có ba hợp đồng vay trung và dài hạn như sau:

- Tại ngày 13 tháng 3 năm 2015, Công ty ký Hợp đồng số 01/2015-HĐTD/NHCT127-TVSD với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với mục đích dùng tiền vay để mua máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động khoan phun xử lý nền móng. Hạn mức hợp đồng vay tối đa không vượt quá 282.100.000 VND. Thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất được ghi nhận trên từng giấy nhận nợ, lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 11,5%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng và sẽ được điều chỉnh 1 tháng 1 lần vào ngày 15 của tháng cuối cùng của thời hạn điều chỉnh lãi suất. Công ty đã thế chấp tài sản là xe ô tô Camry ACV40L theo các hợp đồng thế chấp tài sản cho các hợp đồng tín dụng đã tất toán nhưng được ngân hàng chấp nhận tiếp tục sử dụng để đảm bảo cho khoản vay hiện tại theo Hợp đồng số 01/2015-HĐTD/NHCT127-TVSD. Tài sản đảm bảo còn bao gồm giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 7.486.402.984 VND tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 01/HĐCC-2015/TVSD giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với Công ty.

- Tại ngày 14 tháng 4 năm 2015, Công ty ký Hợp đồng số 02/2015-HĐTD/NHCT127-TVSD với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với mục đích dùng tiền vay để mua máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động khoan phun xử lý nền móng. Hạn mức hợp đồng vay tối đa không vượt quá 205.100.000 VND. Thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất được ghi nhận trên từng giấy nhận nợ, lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 10,5%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng và sẽ được điều chỉnh 1 tháng 1 lần vào ngày 15 của tháng cuối cùng của thời hạn điều chỉnh lãi suất. Công ty đã thế chấp xe ô tô Camry ACV40L theo các hợp đồng thế chấp tài sản cho các hợp đồng tín dụng đã tất toán nhưng được ngân hàng chấp nhận tiếp tục sử dụng để đảm bảo cho khoản vay hiện tại theo Hợp đồng số 02/2015-HĐTD/NHCT127-TVSD.

- Tại ngày 07 tháng 12 năm 2016, Công ty ký hợp đồng số 01/2016-HĐTD/NHCT127-HTTD-TVSD với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với mục đích dùng tiền vay thanh toán chi phí sửa chữa nhà làm việc G9 của Công ty. Hạn mức hợp đồng vay tối đa không vượt quá 1.838.595.142 VND. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất được ghi nhận trên từng Giấy nhận nợ, lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9%/1 năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng và sẽ được điều chỉnh 3 tháng 1 lần vào ngày 15 của tháng cuối cùng của thời hạn điều chỉnh lãi suất. Tài sản bảo đảm là chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn số VB0067592 trị giá 7.486.402.984 VND theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 01/HĐCC-2015/TVSD ngày 25 tháng 8 năm 2015.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu (i) VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	12.831.772.099	9.012.900.557	56.443.771.368
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.164.199.930	1.164.199.930
Trích lập các quỹ	-	-	-	623.288.997	(1.745.198.653)	(1.121.909.656)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.609.648.000)	(2.609.648.000)
Điều chỉnh giảm khi thoái vốn công ty con	-	-	-	(306.312.997)	306.312.997	-
Số dư đầu năm nay	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	13.148.748.099	6.128.566.831	53.876.413.642
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	3.524.952.085	3.524.952.085
Trích lập các quỹ (ii)	-	-	-	138.710.214	(1.058.107.344)	(919.397.130)
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	(2.609.648.000)	(2.609.648.000)
Số dư cuối năm nay	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	13.287.458.313	5.985.763.572	53.872.320.597

(i) Vốn khác của chủ sở hữu là phần vốn Công ty sử dụng từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển để mua sắm tài sản cố định phục vụ hoạt động kinh doanh và dùng để góp vốn đầu tư vào các đơn vị nhận đầu tư góp vốn theo Quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 13/NQ/2016/ĐHCD ngày 26 tháng 4 năm 2016, Công ty đã phân bổ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2015 như sau: quỹ đầu tư phát triển là 138.710.214 VND; quỹ khen thưởng, phúc lợi là 719.397.130 VND; quỹ thưởng cho Ban quản lý, điều hành là 200.000.000 VND và chia cổ tức năm 2015 là 2.609.648.000 VND. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã thanh toán khoản cổ tức năm 2015 này.

Cổ phiếu:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu		
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.609.710	2.609.710
+ Cổ phiếu phổ thông	2.609.710	2.609.710
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	62	62
+ Cổ phiếu phổ thông	62	62
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.609.648	2.609.648
+ Cổ phiếu phổ thông	2.609.648	2.609.648
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 14, vốn điều lệ của Công ty là 26.097.100.000 VND và đã được các bên góp vốn đủ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016, chi tiết như sau:

	<u>Tỷ lệ góp vốn tại ngày cuối năm</u>	<u>Vốn đã góp</u>	
		<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	%	VND	VND
Tổng Công ty Sông Đà	51%	13.309.520.000	13.309.520.000
Cổ đông khác	49%	12.787.580.000	12.787.580.000
Tổng cộng	100%	26.097.100.000	26.097.100.000

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.009.507.718	8.391.500.325
Chi phí nhân công	40.489.314.847	55.168.578.937
Chi phí khấu hao tài sản cố định	904.502.944	1.020.874.241
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.884.594.168	3.274.796.337
Chi phí khác	18.094.955.081	14.527.655.804
	72.382.874.758	82.383.405.644

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lãi chuyển nhượng cổ phần công ty con	-	518.805.718
Lãi tiền gửi	731.667.185	158.483.194
Cổ tức, lợi nhuận được chia	238.050.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.950.000	3.884.011
	971.667.185	681.172.923

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí lãi vay	172.682.578	757.037.316
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	487.258.643
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	96.110.353
Lỗ thoái vốn khỏi công ty liên kết	-	3.548.368.159
Chi phí tài chính khác	-	38.908.575
	172.682.578	4.927.683.046

23. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	64.945.454	-
Điều chỉnh giảm công nợ không phải trả	-	521.978.460
Tiền phạt thu được	-	84.237.189
Các khoản khác	42.910.000	98.110.028
	107.855.454	704.325.677

15
31
41
46
7

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản phạt thuế, phạt chậm nộp	77.812.911	365.212.891
Thủ lao thành viên Hội đồng Quản trị	656.000.001	439.625.835
Tiền phạt kinh tế phải trả	-	84.237.189
Chi phí khác	1.249.291	-
	735.062.203	889.075.915

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.131.988.753	10.685.754.509
Chi phí bằng tiền khác	1.043.342.799	1.512.374.386
Chi phí dịch vụ mua ngoài	892.655.905	1.010.721.920
Chi phí dự phòng	651.615.982	2.294.574.541
Chi phí vật liệu quản lý	343.522.922	429.870.098
Thuế, phí và lệ phí	294.185.002	688.158.128
Chi phí đồ dùng văn phòng	219.123.296	304.908.061
Chi phí khấu hao TSCĐ	71.541.966	171.700.728
	12.647.976.625	17.098.062.371

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện tại	858.137.874	1.152.648.036
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	61.241.892	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	919.379.766	1.152.648.036

Chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lợi nhuận trước thuế	4.383.318.552	2.983.866.320
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	167.776.359	6.452.387.454
- Tiền phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	71.776.359	364.905.872
- Thủ lao thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia trực tiếp điều hành sản xuất, kinh doanh	96.000.000	54.000.000
- Điều chỉnh lỗ công ty con đã thoái vốn	-	55.762.363
- Hủy hoàn nhập dự phòng đầu tư công ty con đã thoái vốn	-	490.301.060
- Lỗ thoái vốn khỏi công ty liên kết	-	5.487.418.159
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	(260.405.540)	(4.196.944.522)
- Lợi nhuận công ty con	(7.531.463)	(4.622.261)
- Cổ tức được chia trong kỳ	(238.050.000)	-
- Trích lập dự phòng đầu tư vào công ty con	(14.824.077)	-
- Hoàn nhập trích lập dự phòng phải thu khó đòi công ty con	-	(3.150.532.116)
- Lãi từ công ty liên kết trước thoái vốn	-	(523.051.257)
- Lãi thoái vốn khỏi công ty con	-	(518.738.888)
Lợi nhuận tính thuế	4.290.689.371	5.239.309.252
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	858.137.874	1.152.648.036

27. LÃI CƠ BÀN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u> (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ (VND)	3.524.952.085	1.164.199.930
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (VND)	-	(291.830.281)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	3.524.952.085	872.369.649
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	2.609.648	2.609.648
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.351	334

Đối với năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa có phương án phân chia lợi nhuận cho quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Ban điều hành. Đối với năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty điều chỉnh số trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Ban điều hành theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2015 trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số số 13/NQ/2016/ĐHCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2016, dẫn đến việc trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm trước, cụ thể như sau:

	Năm trước	
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ (VND)	1.164.199.930	1.164.199.930
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (VND)	-	(291.830.281)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.164.199.930	872.369.649
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	2.609.648	2.609.648
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	446	334

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	493.591.061	508.991.061
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.974.364.245	2.035.964.245
Sau năm năm	16.206.239.843	16.891.689.237
	18.674.195.149	19.436.644.543

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 966,4 m² đất Nhà nước cho thuê 50 năm, trả tiền thuê đất hàng năm, là trụ sở chính của Công ty, tại số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội với giá thuê 537.593 VND/m²/năm với 869,9 m² đất nằm ngoài chỉ giới mở đường và 268.797 VND/m²/năm với 96,5 m² đất nằm trong chỉ giới mở đường. Thời hạn thuê đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2004.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	Công ty con Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	Công ty con Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Công ty con Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Công ty con Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Công ty con Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Công ty con Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Công ty con Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Nậm Chiến	Công ty con Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Thủy điện Việt Lào	Công ty con Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên	Công ty con Tổng Công ty Sông Đà

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan trọng yếu:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu cung ứng dịch vụ	35.335.659.686	24.407.406.594
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	24.479.479.063	5.560.458.646
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	3.847.629.997	4.271.175.793
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	2.608.948.861	1.349.431.579
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.808.411.201	516.227.143
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Nậm Chiến	1.222.860.363	551.106.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	842.045.557	4.482.000.277
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	526.284.644	7.677.007.156
Cổ tức phải trả	1.330.920.480	1.330.920.480
Tổng Công ty Sông Đà	1.330.920.480	1.330.920.480

Số dư chủ yếu với các bên liên quan trọng yếu tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	26.454.876.391	22.299.437.368
Công ty Cổ phần Thủy điện Việt Lào	5.605.812.092	5.605.812.092
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	3.374.960.965	4.332.366.906
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	2.771.285.614	474.320.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	2.409.812.944	1.827.989.440
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	2.134.160.016	1.591.225.984
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Nậm Chiến	2.052.500.604	707.354.204
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.904.360.080	1.504.986.885
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên	1.822.822.562	2.122.822.562
Tổng Công ty Sông Đà	1.575.168.609	1.575.168.609
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	1.496.871.892	1.367.313.939
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	1.307.121.013	1.190.076.747
Phải thu khách hàng dài hạn	1.372.211.626	1.305.292.593
Công ty Cổ phần Thủy điện Việt Lào	855.860.755	855.860.755
Tổng Công ty Sông Đà	516.350.871	449.431.838
Phải thu khác ngắn hạn	2.034.988.077	2.034.988.077
Công ty Cổ phần Thủy điện Việt Lào	2.034.988.077	2.034.988.077

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập lương, thưởng	1.538.051.482	1.098.315.260
Tổng cộng	1.538.051.482	1.098.315.260

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	<u>Số đã báo cáo</u>	<u>Phân loại lại</u>	<u>Số sau phân loại</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	61.501.756.049	(1.327.990.497)	60.173.765.552
2. Phải thu dài hạn của khách hàng	12.848.634.083	1.327.990.497	14.176.624.580

Hoàng Thị Minh Hiền
Người lập biểu

Lê Minh Quyết
Kế toán trưởng

Đình Văn Duẩn
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2017

Địa chỉ công bố thông tin của Báo cáo tài chính: www.sdcc.com.vn

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2016, Công ty cổ phần tư vấn Sông Đà báo cáo UBCK Nhà Nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và các nhà Đầu tư ./.

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Nơi gửi: 

- UBCKNN;
- Sở GDCK Hà Nội;
- Website Công ty;
- Lưu TCKT, TCHC.



Đình Văn Duẩn

CÔNG TY CP TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

THỐNG KÊ

**THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT
NĂM 2016**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng thu nhập	Trong đó			Lợi ích phi vật chất
				Lương	Thù lao	Thưởng	
1	Nguyễn Văn Tiến	Chủ tịch HĐQT	172.150.000		97.150.000	75.000.000	
2	Đình Văn Duẩn	Tổng giám đốc	511.569.194	349.602.527	90.166.667	71.800.000	
3	Lê Thị Thiên Kim	Phó Tổng GD	210.835.056	155.035.056		55.800.000	
4	Nguyễn Đại Thu	Phó Tổng GD	378.830.565	198.230.565	108.000.000	72.600.000	
5	Phạm Anh Đức	Thành viên HĐQT	107.500.000		67.500.000	40.000.000	
6	Cù Văn Vinh	Thành viên HĐQT	105.166.667		90.166.667	15.000.000	
7	Bùi Thị Kim Khánh	Trưởng ban KS	221.415.602	154.915.602	41.300.000	25.200.000	
8	Nguyễn Minh Tiến	Thành viên BKS	99.500.000		61.500.000	38.000.000	
9	Nguyễn Quỳnh Trang	Thành viên BKS	64.700.000		41.700.000	23.000.000	
10	Nguyễn Thị Lợi	Thành viên BKS	1.070.000		1.070.000		
11	Trịnh Văn Thới	Chủ tịch HĐQT	26.000.000			26.000.000	
12	Phạm Văn Hùng	Tổng giám đốc	26.000.000			26.000.000	
	Tổng cộng		1.924.737.084	857.783.750	598.553.334	468.400.000	